

Mật Tạng Bộ 1 _ No.850 (Tr. 65_Tr. 68)

KINH NHIẾP ĐẠI TỖ LÔ GIÁ NA THÀNH PHẬT
THẦN BIỂN GIA TRÌ NHẬP LIÊN HOA THAI TẶNG HẢI HỘI
BI SINH MẠN TRÀ LA
QUẢNG ĐẠI NIỆM TỤNG NGHI QUỸ
CÚNG DƯỜNG PHƯƠNG TIỆN HỘI
QUYỂN THỨ NHẤT

Hán dịch: Chùa Đại Hưng Thiện, Tam Tạng của nước Trung Thiên Trúc
THÂU BA CA LA (Śubhakarasiṃha: Thiện Vô Úy) phụng chiếu dịch.

Đệ tử được truyền là NHẤT HẠNH cầm bút ghi, trao cho Tỳ Kheo BẢO
NGUYỆT dịch ra ngữ âm.

Sưu tập Thủ Ấn, phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

_ Cúi lạy **Tỳ Lô Giá Na Phật** (Vairocana-buddha)

Hé mở mắt tịnh như sen xanh

Ta y **Đại Nhật Kinh Vương** nói

Cúng dường *Sở Tư* (chỗ nương nhờ) mọi Nghi Quỹ

Làm thành thứ tự **Pháp Chân Ngôn** (Mantra-dharma)

Như thế sẽ được mau thành tựu

_ Lại khiến Bản Tâm lia như bản

Nay Ta tùy **Yếu Lực** tuyên nói

Muốn ở đời này vào **Tất Địa** (Siddhi)

Tùy nơi tướng ứng, mà suy nghĩ

Theo **Tôn** được trao truyền **Minh Pháp** (Vidya-dharma)

Quán sát tướng ứng, làm thành tựu

_ Trước lễ Tôn **truyền Giáo Quán Đỉnh**

Thỉnh bạch Chân Ngôn, nơi sửa nghiệp

Bậc Trí được Thầy cho phép xong

Y theo địa phận, chôn thích hợp

Ở khoảng sườn vách, cạnh đỉnh núi

Mọi nơi hang động giữa hai núi

Hoặc chỗ Như Lai, Thánh Đệ Tử

Trước kia đã từng trú ngụ qua

Chùa, Tháp, **Lan Nhã** (Araṇya), nhà Tiên xưa

Nên chọn nơi Tâm mình ưa thích

Xót thương Hữu Tình, vẽ Đàn lớn

Tiếp phụ Như Lai mở **mắt Pháp** (Pháp Nhãn: Dharma-cakṣu)

Hay độ Người, Trời, vô lượng Chúng

Tức là **Như Lai Thắng Sinh Tử** (Con Thắng Sinh của Như Lai)

Đủ sức **Tịnh Tuệ** hay kham nhẫn

Tinh tiến chẳng cầu các **Thế Gian** (Loka, hay Laukika)

Đêm đó phóng túng đã sinh tội

Ăn cần hoàn tịnh đều **hối trừ** (ăn năn trừ bỏ tội)

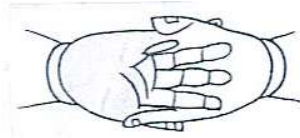
Tâm mắt nhìn quán kỹ, hiểu thấu

Năm Luân sát đất mà làm lễ.

_ *Quy mệnh **Chính Đẳng Giác** mười phương*

Ba đời tất cả đủ ba Thân
 Quy mệnh tất cả **Pháp Đại Thừa**
 Quy mệnh Chúng **Bất Thoái Bồ Đề**
 Quy mệnh các **Minh (Vidya)**, lời chân thật
 Quy mệnh tất cả các **Mật Ấn (Guhya-mudra)**
 Dùng nghiệp thanh tịnh Thân, Khẩu, Ý
 Ấn cần vô lượng cung kính lễ.

1. **Tác lễ phương tiện Chân ngôn** là: (dùng Trì Địa Ấn bên dưới)



“Ấn (1) năng mô tát phộc đát tha nghiệt đa (2) ca gia, phộc khát-chất đa (3) phộc nhật-la, tông na nan, ca lỗ nhĩ (4)”

ॐ नमः सर्व तथगत काय वाकचित्त वाज्र

OM NAMO SARVA TATHĀGATA KĀYA VĀK-CITTA VAJRA VANDANĀM KARA UMI.

Do lời chân thật tác lễ này
 Liên hay lễ khắp Phật mười phương.

_ Quỳ gối phải xuống, hợp chưởng móng
 Suy tư sám hối tội nghiệp xưa
 “Con do Vô Minh đã gom chứa
 Nghiệp Thân Khẩu Ý tạo mọi tội
 Tham dục, Giận, Mê che lấp Tâm
 Nơi Phật, Chính Pháp, Hiền Thánh Tăng
 Cha mẹ hai Thầy, Thiện Tri Thức
 Cùng với vô lượng các chúng sinh
 Trôi trong sinh tử từ vô thủy
 Tạo đủ tội cực nặng vô tận
 Đối trước mười phương Phật hiện tại
 Thủy đều sám hối, không tái phạm”.

2. **Xuất tội phương tiện Chân ngôn** là: (Phổ thông)



“Ấn (1) tát phộc bá bà tát-phổ tra (2) ná hạ năng phộc nhật-la dã (3) sa-phộc hạ (4)”

ॐ नमः सर्व पाप शोषा दाहना वाज्राय - स्वहा

OM SARVA PĀPA SHOṬA DAHANA VAJRĀYA - SVĀHĀ

“*Nam mô mười phương Phật ba đời
Ba loại thường gần **Tạng Chính Pháp**
Chúng Đại Tâm Bồ Đề Thắng Nguyên*
Nay con đều chân chính quy y”

3. Quy y phương tiện Chân Ngôn là: (Phổ Thông)



“**Án (1) tát phộc một đà, mạo địa tát-đát-tông (2) thiết la noãn nghiệt tha nhĩ (3) phộc nhật-la đạt ma (4) hột-ly (5)**”

ॐ स र्व बु ध्वा न्म बु ध्वा न्म स र्व बु ध्वा न्म ह्रीं

☞ OM SARVA BUDDHĀ BODHI STVAM - ŚARAṆAM GACCHAMI
VAJRA-DHARMA HRĪḤ

“*Con tịnh thân này lia bụi nhơ
Cùng thân miệng ý của ba đời
Số nhiều hơn bụi hơn biển lớn
Phụng hiến tất cả các Như Lai*”

4. Thí Thân Phương Tiện Chân ngôn là (Thân đồng với tướng Chày Độc Cổ)



“**Án (1) tát phộc đát tha nghiệt đa (2) bố nhạ, bát-la phộc lý-đa năng dạ đát-ma nam (3) niết lý-dã đạ nhĩ (4) tát phộc đát tha nghiệt đa thất-giã địa để sắt-xá đam (5) tát phộc đát tha nghiệt đa nhạ nan mê (6) a vị thiết đô (7)**”

ॐ स र्व बु ध्वा न्म बु ध्वा न्म स र्व बु ध्वा न्म ह्रीं

☞ OM SARVA TATHĀGATA PŪJA PRAVARTTĀNĀYA -
ATMĀNĀM NIRYĀTA YĀMI - SARVA TATHĀGATĀŚCA
ADHITIṢṬATAM - SARVA TATHĀGATA-JÑĀNA ME ĀVIŚATU

“*Tâm **Tịnh Bồ Đề**, báu Thắng Nguyên
Nay con phát khởi cứu quần sinh
Sinh khổ đặng tập ràng buộc thân
Cùng với **Vô Tri** hại đến thân
Cứu nhiếp quy y khiến giải thoát
Thường làm lợi ích các Hàm Thức (satva)*

5. Phát Bồ Đề Tâm Phương Tiện Chân ngôn là (Phộc Án)



“**Án (1), mạo địa tức đa (2) tam mẫu đất bá ná dạ nhĩ (3)**”

ॐ व॒ध॒सि॒र॒सु॒स॒र॒य॒मि

☞ OM_ BODHICITTAM UTPĀDA YĀMI

— “*Trong vô lượng Thế Giới mười phương*

Các Chính Biến Tri, Chúng Đại Hải

Mỗi mỗi sức phương tiện khéo léo

Với các Phật Tử vì Quần Sinh

Bao nhiêu Phước Nghiệp đã tu tập

Nay con tùy hỷ hết tất cả”

6. Tùy Hỷ Phương Tiện Chân ngôn là (Quy mệnh Hợp chương)



“**Án (1) tát phộc đất tha nghiệt đa (2) bố nhạ, nhạ năng nỗ mẫu ná năng (3) bố nhạ, mê già, tam mẫu nại-la (4) sa-phả la noa, tam ma duệ (5) Hồng**”

ॐ स॒र्व॒त॒थ॒ग॒त॒पु॒ण्य॒ज्ञा॒ना॒नु॒मु॒दा॒ना॒पू॒जा॒मे॒घा॒समु॒द्रा॒स्फ॒र॒ण॒स॒म॒य॒े॒हू॒मि

☞ OM_ SARVA TATHĀGATA PUṆYA JÑĀNA ANUMUDANA PŪJA MEGHĀ SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪM

— “*Nay con khuyến thỉnh các Như Lai*

Bồ Đề Đại Tâm, Đáng Cứu Thế

Nguyện xin khắp cả Giới mười phương

Thường kéo mây lớn tuôn mưa Pháp”

7. Khuyến thỉnh phương tiện Chân Ngôn là:



“**Án (1) tát phộc đất tha nghiệt đa (2) thê sái ninh, bố nhạ, mê già, sa mẫu nại-la (3) sa-phả la noa, tam ma duệ (4) hồng**”

ॐ स॒र्व॒त॒थ॒ग॒त॒वृ॒ष॒भ॒पू॒ण्य॒ज्ञा॒ना॒नु॒मु॒दा॒ना॒पू॒जा॒मे॒घा॒समु॒द्रा॒स्फ॒र॒ण॒स॒म॒य॒े॒हू॒मि

☞ OM_ SARVA TATHĀGATA ADDHEṢAṆA PŪJA MEGHĀ SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪM

— “*Nguyện khiến nơi Phạm Phu cư trú*

Mau buông mọi khổ bám trên thân

Sẽ được đến nơi không như bản (Vô Cấu Xứ)

An trụ thân Pháp Giới thanh tịnh”

8. *Phụng Thỉnh Pháp Thân Phương Tiện Chân Ngôn* là :



“**Án (1) tát phộc đát tha nghiệt đa (2) ná thê sái dã nhĩ (3) tát phộc tát đát-phộc, hệ đa lý-tha dã (4) đạt ma đà đổ tát-thể để lật-bà miệt đổ (5)**”

ॐ स ह ग व र्ज ग व ह य य म ह स व न ग य य व म व रु ङ ग ह व रु
OM SARVA TATHĀGATA ADDHEṢA YĀMI SARVA SATVA
HĪTA ARTHĀYA DHARMA-DHĀTU STHITIRBHAVATU

— *“Bao nhiêu **Thiện Nghiệp** tu hành được*

Vì muốn lợi ích mọi chúng sinh

Nay con chân chính hồi hướng hết

Trừ sinh tử khổ đến Bồ Đề

9. *Hồi Hướng Phương Tiện Chân Ngôn* là :



“**Án (1) tát phộc đát tha nghiệt đa (2) niết lý-dã đát-năng, bố nhạ, mê già, tam mầu nại-la (3) sa-phả la noa, tam ma duệ (4) hồng**”

ॐ स ह ग व र्ज ग व ह य य म ह स व न ग य य व म व रु ङ ग ह व रु
OM SARVA TATHĀGATA NIRYĀTANA PŪJA MEGHA
SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪM

— Lại tạo làm các việc **Phước** (Punya) khác

Đọc tụng, **Kinh Hành** (Caṅkramana), ngồi yên lặng

Vì khiến Thân Tâm thanh tịnh khắp

Thương xót cứu nhiếp nơi **Ta, Người** (Tự Tha)

Tâm Tĩnh như vậy lia bợn như

Thân tùy chỗ ứng ngồi an tọa

Quan sát rõ ràng **Sơ Tự Môn** (A Tự Môn)

Luân Viên chín vòng rộng tròn trắng

— Tiếp nên kết **Tam Muội Gia Án** (Chấp 2 tay lại, giữa trống rỗng, dựng thẳng **Không** (ngón cái) như cây phượng, hay mấn nhóm Phước Trí)

Ấy là Đạo **Tịnh Trừ** ba Nghiệp

Nên biết tướng Mật Án

Các **Chính Biến Tri** nói

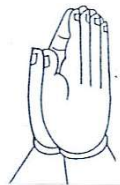
Nên chấp tay Định Tuệ (2 bàn tay)

Kèm dựng hai **Không Luân** (2 ngón cái)

Chạm khắp các chi phần

Tụng trì **Chân Thật Ngữ**

Vào Phật Tam Muội Gia



10. Tam Muội Gia Chân Ngôn:

“**N**ă**ng** mô tát phộc đát tha nghiê**đ**ể tỳ đượ**c** (1) vĩ thấ**p**-phộc mụ**c** khế tỳ đượ**c** (2) Á**n**, a tam mê (3) đê**l**ý tam mê (4) tam ma du**ệ** (5) sa-phộc hạ”

ॐ नम स्र व नलररररुः वरु सुवुरुः ॐ नमम वरुमरुसमरु
स्वदु +

↬ NAMO SARVA TATHĀGATEBHYAḤ VIŚVA-MUKHEBHYAḤ -
OM - ASAME TRISAME SAMAYE - SVĀHĀ

Vừa kết Mật Ấn này

Hay tịnh **N**hư **L**ai **Đ**ịa (Tathāgata-bhūmi)

Mãn **Đ**ịa (Daśa-bhūmi: mười Địa), **B**a **L**a **M**ật (Ṣaḍ-pāramita: Sáu Ba La Mật)

Thành **ba** **Ph**áp **Gi**ới **đ**ạo (Giới Đạo của ba Pháp)

Các Mật Ấn còn lại

Ấn Phẩm thứ tự nói.

_Tiếp, kết **Ph**áp **Gi**ới **S**inh

Tiêu biểu của Mật Tuệ

Vì tịnh thân khẩu ý

Chuyển khắp cả thân mình

Tay Bát Nhã (Tay phải) Tam Muội (Tay trái)

Đều nắm Kim Cương Quyền

Hai Không (2 ngón cái) trong lòng tay

Phong Tràng (2 ngón trỏ) đều thẳng đứng



Như vậy là Bí Ấn

Của **Ph**áp **Gi**ới (Dharma-dhātu) thanh tịnh

11. **Ph**áp **Gi**ới **S**inh **Ch**ân **N**gôn:

“**N**ă**ng** mạc tam mãn đả một đả nam (1) **L**AM, đạ**t** ma đả đở (2) sa-phộc bà phộc cú hàm (3)”

नमः समन व दनुः ः न व व वुः स्व व व व व +

↬ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM- RAM _ DHARMA-DHĀTU
SVABHĀVAKA UHAM

Như Tự Tĩnh Pháp Giới

Mà quán Thân của mình

Hoặc dùng **Ch**ân **Th**ật **N**gôn

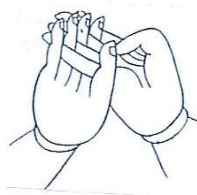
Chuyển ba lần, tuyên nói

Sẽ thấy trụ **Pháp Thể**
Không dơ như Hư Không
Uy lực **Chân Ngôn Ấn**
Gia trì Hành Nhân nên
Khiến kẻ ấy kiên cố

— Quán Tự **Chấp Kim Cương** (Thân mình là **Chấp Kim Cương**)

Kết Ấn Kim Cương Trí

Tay Chỉ (tay trái) Quán (tay phải) chung lưng
Luân Địa (ngón út) Thủy (Ngón Vô danh) Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trỏ)
Trái phải trợ lẫn nhau
Hai Không (2 ngón cái) đều xoay chuyển
Hợp ở trong Tuệ chưởng (lòng bàn tay phải)



Đây gọi là **Pháp Luân**

Tối Thắng Cát Tường Ấn

Người đó chẳng bao lâu
Đồng với Đấng Cứu Thế
Uy lực Chân Ngôn Ấn
Người Thành tựu sẽ thấy
Thường như chuyển **Bảo Luân** (Ratna-cakra: bánh xe báu)
Mà chuyển **Đại Pháp Luân** (Mahā-dharma-cakra)

12. Kim cương Tát Đỏa Chân Ngôn:

“**Năng mặc tam mãn đa phộc nhật-la noãn (1) phộc nhật-la đất-ma cú hàm**

(2)”

ॐ नमो सामन्तावज्रानाम् - वज्रात्मका उहाम्

☞ NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM - VAJRA ATMAKA UHAM

Tụng Chân Ngôn này xong

Thường trụ ở **Đẳng Dẫn** (Samāhita)

Đế quán (quán sát kỹ lưỡng) Ta, thân này

Tức là **Chấp Kim Cương** (Vajra-dhāra)

Vô lượng chúng Thiên Ma

Các loài khi nhìn thấy

Như **Kim Cương Tát Đỏa** (Vajrasatva)

Đừng sinh Tâm nghi hoặc

— Tiếp hoàn **Kim Cương Giáp** (Mặc áo giáp Kim Cương)

Thường quán nơi khoác mặc

Khấp Thể sinh ánh lửa

Dùng đũa trang nghiêm thân

Các **Ma** (Māra), loài gây chướng (Vināyaka)

Với loài Tâm ác khác

Nhìn thấy chạy tứ tán

Trước, tác **Tam Bồ Tra** (Samputa:Hư Tâm Hợp Chương)
 Chỉ Quán (2 bàn tay) hai Không Luân (2 ngón cái)
 Cột giữ trên Hỏa Luân (Ngón giữa)
 Hai Không tự kèm nhau
 Ở trong lòng bàn tay



Tụng Chân Ngôn ấy xong
 Nên quán chữ **Vô Cấu** (không như bản: ॐ_RA)

13. Kim Cương Giáp Trụ Minh:

“**Năng mặc tam mãn đa phộc nhật-la noãn (1) Án (2) phộc nhật-la ca phộc
 già (3) Hồng**”

ॐ म्म म्म वज्रं न्द्रं वज्रं कवचं ह्रूं

↳ NAMAḤ SAMANTA-VAJRAÑĀM - OM VAJRA-KAVACA HŪM

Chữ LA (ॐ_RA) màu trắng tinh
 Dùng điềm Không nghiêm sức (ॐ_RAM)

Như ngọc sáng của tóc
 Đặt ở trên đỉnh đầu
 Ví như trong trăm kiếp
 Đã chứa mọi tội như
 Do đây thầy trừ diệt
Phước Tuệ đều viên mãn

Túc Chân Ngôn ấy là:

14. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Lam”

ॐ म्म म्म व बुद्धं न्द्रं ॐ

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - RAM

Chân Ngôn đồng Pháp Giới

Trừ vô lượng chúng tội

Chẳng lâu sẽ thành tựu

Trụ ở **Địa Bất Thoái**

Tất cả nơi húc uế

Nên gia **Tự Môn** này

Màu đỏ đủ uy quang

Rực lửa vây chung quanh

_ Tiếp, vì giảng phục Ma

Chế ngự các Đại Chương

Nên niệm bậc Đại Hộ

Vô Năng Kham Nhẫn Minh

Tướng Án, như dưới biết



15. Đại Hộ Chân Ngôn là:

“Năng mạc tát phộc đất tha nghiệt đế tỳ-dược (1) tát phộc bà dã vĩ nga đế tỳ-dược (2) vĩ thấp-phộc mục khế tỳ-dược (3) tát phộc tha (4) hàm khiếm (5) la khát-sái, ma hạ mặt lệ (6) tát phộc đất tha nghiệt đa (7) bôn nê-dã nễ tả đế (8) hồng hồng (9) đất-la tra đất-la tra (10) a bát la để tư đa (11) sa-phộc ha ”

ॐ मः सक् त्पगतत्रुः सक् रुद्य ऋगतत्रुः ऋष्व सुष्वत्रुः सक्त्पस्
रुंरुंस् । ऋ मरुवृरुंस् सक् त्पगतस् पृथु ऋरुग रुं रुंस् वृरु वृरुंस्
सुषुगरुगस् सुरुं

ॐ NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYAḤ SARVA BHAYA
VIGATEBHYAḤ VIŚVA-MUKHEBHYAḤ SARVĀTHĀ HAM KHAM
RAKṢA MAHĀ-BALE SARVA TATHĀGATA PUṆYA NIRJĀTE HŪM
HŪM TRĀṬ TRĀṬ APRATIHAṬE SVĀHĀ

Do vừa mới nghĩ nhớ
Các **Vĩ Năng Dạ Ca** (Vināyaka)
Nhóm **La Sát** (Rākṣasa) hình ác
Tất cả đều chạy tan

_ Trước mặt quán chữ LA (। RA)
Đủ điểm rộng nghiêm túc (ॠ - RAM)
Là *Tịnh Quang Diễm Man* (Vòng lửa của ánh sáng thanh tịnh)
Đỏ như mặt trời sớm
Niệm: Tiếng, Nghĩa chân thật
Hay trừ tất cả Chướng
Giải thoát **ba Độc Cấu** (Bợn nhờn của ba Độc)
Các Pháp cũng như thế
Trước tự tịnh Đất Tâm
Tiếp, tịnh đất Đạo Trường
Như nơi giữ Kim Cương (Kim Cương sở trì)
Đất này cũng như vậy
Bạc Du Già (Yogī) *Đế Quán* (Chân thành xem xét kỹ)
Năm Luân rất *thâm mật* (Bí mật sâu xa)
_ Thoạt đầu, ở *hạ vị* (vị trí bên dưới)
Suy tư **Phong Luân** (Vāyu-cakra) kia
Nơi an trú chữ HA (ह)
Màu đen tuôn ánh lửa
Tức Chân Ngôn ấy là:

16. “Năng mạc tam mãn đa một đà nam. Hàm”

ॐ मः सस्र वृ ह्रं रुं रुं

ॐ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - HAM

_ Tiếp, trên đặt **Thủy Luân** (Varuṇa-cakra)
Màu sắc như sữa tuyết
Nơi an trú chữ Phộc (व - VA)

Ánh điện, **Trăng** (Candra:Mặt trắng), **Pha Chi** (Sphaṭika: Đá báu như thủy tinh)

Tứ Chân Ngôn ấy là:

“**Tông**” (Quy mệnh giống như trước)

ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं वृ ह्रीं ह्रीं ह्रीं

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - VAM

_ Lại ở trên Thủy Luân

Quán làm **Kim Cương Luân** (Vajra-cakra)

Tượng đặt chữ ban đầu (Bản sơ tự: ॐ - A)

Bốn phương toàn màu vàng

Tứ Chân Ngôn ấy là

“**A**” (Quy mệnh giống như trước)

ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं वृ ह्रीं ह्रीं ह्रीं

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - A

Luân đó như **Kim Cương** (Vajra)

Tên **Đại Nhân Đà La** (Mahendra)

Ánh lửa màu vàng trong

Trần ngập tuôn chảy khắp

Ở trong đáy suy tư

Đạo Sư, các Phật Tử

Trong nước quán sen trắng

Cộng Kim Cương xinh đẹp (diệu sắc)

Tám cánh đủ râu nhụy

Mọi báu tự trang nghiêm

Thường tuôn vô lượng quang

Trăm ngàn sen vây quanh

_ Trên ấy lại quán tưởng

Tòa **Đại Giác Sư tử**

Bảo Vương dùng trang sức

Ngay trong cung điện lớn

Cột báu xếp thành hàng

Khắp nơi có phướng lọng

Các chuỗi ngọc xen nhau

Rũ treo áo báu đẹp

Chung quanh mây hương hoa

Cùng với mọi mây báu

Tuôn mưa mọi loại hoa

Thơm phức trang nghiêm đất

Tiếng hòa vận êm tai

Mà tâu các âm nhạc

_ Trong cung tưởng *Tĩnh diệu* (trong sạch màu nhiệm)

Hiền Bình (Bhadra-kumbha) với **Át Già** (Argha)

Cây Vua báu nở hoa

Đèn **Ma Ni** (Maṇi) soi chiếu

Tam Muội (Samādhi), đất Tổng Trì

Thê Nữ (cung nữ) của Tự Tại

Phật, Ba La Mật đẳng

Bồ Đề, hoa diêu nghiêm
Phương tiện tác mọi kỹ (kỹ nhạc)
Ca vịnh âm Diêu Pháp
“Dùng sức Công đức TA
Sức Như Lai gia trì
Cùng với sức Pháp Giới
Cúng dường khắp rỗi trụ”

17. **Hư Không Tạng Minh Phi Chân Ngôn** là: (Pháp nên tụng nhiều, quán tưởng như Kinh)

“**Năng mạc tát phộc đát tha nghiệt đế tỳ-dược (1) vĩ thấp-phộc mục khê tỳ-dược (2) tát phộc tha (3) khiếm (4) ốt na nghiệt đế, sa-phả la hứ hàm (5) nga nga năng kiếm (6) sa-bà hạ**”

ॐ ह्रिः स्र्त्त न्मत्तनः ॐ ह्रिः स्र्त्तनः स्र्त्त न्मत्तनः ॐ ह्रिः स्र्त्त न्मत्तनः ॐ ह्रिः स्र्त्त न्मत्तनः ॐ ह्रिः स्र्त्त न्मत्तनः

ॐ NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYAḤ - VIŚVA-MUKHEBHYAḤ - SARVATHĀ KHAM UDGATE SPHARA HĪMAḤ GAGANAKAḤ - SVĀHĀ

Do đây trì tất cả
Chân thật không có khác
Kim Cương Chương giữa rỗng
Đấy tức Ấn gia trì



Tất cả Pháp chẳng sinh
Tự tính vốn vắng lặng
Tưởng niệm chân thật này
Chữ A (ॐ) đặt trong ấy

_ Tiếp, nên chuyển chữ A (ॐ)

Thành **Đại Nhật Mâu Ni**

Vô tận sát trần chúng

Hiện trong hào quang tròn

Ngàn cõi làm số tầng

Tuôn ra **Quang Diễm Luân** (bánh xe lửa của hào quang)

Đến khắp Giới chúng sinh

Tùy Tính khiến khai ngộ

Thân Ngũ trần tất cả

Phật Tâm cũng như thế

Diêm Phù (Jambū) màu vàng trong

Vì tương ứng Thế Gian

Ngồi Kiết Già trên sen

Chính Thụ lia các Độc

Thân mặc áo sa lụa

Mão búi tóc tự nhiên

_ **Tự Môn** (môn chữ) chuyển thành Phật

Cũng lợi các chúng sinh
Giống như **Đại Nhật Tôn**
Bạc Du Già quán sát
Một Thân và hai Thân
Cùng nhập vào **Bản Thể**
Lưu xuất cũng như vậy
Tùy nơi ưa muốn đó
Y Pháp trước mà chuyển

Triệu dùng **ba Bộ Tâm**
Phong (ngón trỏ) *Câu* (cong như móc câu) liền gia thỉnh



Vì khiến Tâm vui vẻ
Phụng hiến *Ngoại Hương Hoa*

Tiếp kết **Đồ Hương Ấn**
Quán Chưởng (lòng bàn tay phải) hướng ngoài dựng
Chỉ Vũ (Tay trái) nắm Hữu Quán (Tay Phải)



Tâm tưởng mây **hương xoa** (Gandha: Đồ hương)
Trong mát khắp Thế Giới

Đồ Hương Chân Ngôn là:

**18. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) vĩ thú đà kiện độ nạp-bà phộc
dã (2) sa-phộc hạ”**

ॐ नमोऽस्मिन् वृक्षे अस्तु तत्रैव सुखं

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - VIŚUDDHA-GANDHA
UDBHAVĀYA - SVĀHĀ

Tiếp nói (minh: tỏ rõ, biết rõ) **Phụng Hoa Ấn**
Tám ngón *nội tương xoa* (cài chéo nhau bên trong)
Uyển hợp (hợp cổ tay) Phong đầu trụ (2 đầu ngón trỏ dính nhau)
Ấn như thể bụm hoa



19. *Chân Ngôn* là:

“**N**ăng mạc tam mãn đa một đà nam (1) ma hạ muội đất lý-dã (2) tỳ-dữu ốt nga đế (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समान्त बुद्धानाम् महा मयि श्रुतिं नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - MAHĀ-MAITRYA ABHYUDGATE - SVĀHĀ

Tiếp nói **Thieu Hương Ấn**

Sáu ngón giáp lưng trong

Hai đầu Phong (ngón trỏ) hợp cạnh

Không (ngón cái) đều phụ ở Phong (ngón trỏ)



20. *Chân Ngôn* là:

“**N**ăng mạc tam mãn đa một đà nam (1) đạt ma đà đồ noa nghiệt đế (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समान्त बुद्धानाम् धर्म धातु नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - DHARMA-DHĀTU ANUGATE - SVĀHĀ

Tiếp nói **Ấm Thực Ấn**

Hai Địa (ngón út) cùng dính cạnh

Thủy (Ngón vô danh) Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trỏ) hợp đầu

Không (ngón cái) phụ ở dưới Phong (ngón trỏ)

Giống như hình Thực Khí (vật đựng thức ăn)

Hợp cổ tay dâng hiển



21. *Chân Ngôn* là:

“**N**ăng **m**ạc **t**am **m**ãn **đ**a **m**ột **đ**à **n**am (1) **A** **l**a **l**a (2) **c**a **l**a **l**a (3) **m**a **l**ân **n**ại
nê (4) **m**a **h**a **m**a **l**ý (5) **s**a-**ph**ộc **h**ạ”

ॐ नमः सम्यक्संबुद्धाय नमः ॐ नमः सम्यक्संबुद्धाय नमः ॐ नमः

↳ **N**AMAḤ **S**AMANTA-BUDDHĀNĀM - **A**RARA **K**ARARA **B**ALIṀ
DADE, **M**AHĀ-BALIḤ - **S**VĀHĀ

_ Tiếp nói **Đ**ăng **M**inh **Á**n

Quán **Q**uỳn (quỳn **p**hải) **d**ụng **H**òa **L**uân (ngón **g**iữa)

Không (ngón **c**ái) **t**rụ **l**óng **d**ưới **H**òa (ngón **g**iữa)



Vận **t**ượng **v**ô **b**iên **C**õi

Mỗi **m**ỗi **t**rước **c**hư **P**hật

Sáng **t**ỏ **l**àm **P**hật **S**ự

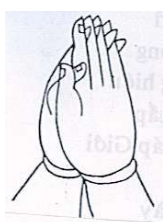
22. Chân ngôn là:

“**N**ăng **m**ạc **t**am **m**ãn **đ**a **m**ột **đ**à **n**am (1) **đ**át **t**hà **n**ghiệt **đ**a **l**ật **ch**ỉ (2) **s**a-**p**hả
la **n**oa, **ph**ộc **b**à **s**a **n**á (3) **n**ga **n**ga **n**hu **n**á **l**ý-**d**ã (4) **s**a-**ph**ộc **h**ạ”

ॐ नमः सम्यक्संबुद्धाय नमः तथगत्य आर्चि
स्फारणा वभसाना गगना उदर्या - स्वहा ॐ

↳ **N**AMAḤ **S**AMANTA-BUDDHĀNĀM - **T**ATHĀGATA **A**RCI
SPHARAṆA **V**ABHĀSANA **G**AGANA **U**DĀRYA - **S**VĀHĀ

_ Tiếp, quỳ **t**hẳng **l**ưng, **P**hổ **T**hông **C**hởng



Tán **d**ương **P**hước **T**rí **c**ủ **N**hư **L**ai

Đây **đ**ã **k**hen **ng**ợi **S**át **T**rần **c**húng

Vi **c**ầu **T**ất **Đ**ịa (**S**iddhi) **p**hát **t**hanh **âm** (tiếng **t**rong **t**rẻo)

Án **c**ần **b**ái **x**ương, **b**a **đ**ến **b**ảy

Tiếp **t**ụng **c**âu **C**át **K**hánh **G**ià **T**hà

Hoặc **n**ăm **h**oặc **b**ảy, **d**ưới **đ**ến **b**a

Cảnh **g**iác **c**hư **T**ôn **p**hát **v**ui **v**ẻ

23. Chân ngôn là:

“**P**hộc **n**hật-**l**a **t**át **đ**át-**ph**ộc, **t**ăng **n**ga-**l**a **h**ạ (1) **P**hộc **n**hật-**l**a **l**a **đ**át-**n**ăng, **m**a
nỗ **đ**át-**l**am (2) **P**hộc **n**hật-**l**a **đ**ạt **m**a, **n**ga **d**ã **n**ại (3) **P**hộc **n**hật-**l**a **y**ết **m**a, **c**a **l**ỗ **b**à
phộc (4)”

वज्रसत्त्वं संघटनं वज्रराजं मयं वं वज्रवदं गयदं वज्रकर्म
कल्लोभवत्

☞ VAJRA-SATVA SAMGRĀHA - VAJRA-RATNA MANU TRAM
VAJRA-DHARMA GAYADO - VAJRA-KARMA KALOBHAVA

— Tiếp hiển **Át Già Ân**

Chỉ Quán (2 tay) chắp Liên Hoa (Liên Hoa Hợp chuông)

Mở Phong (ngón trỏ) phụ lóng Hỏa (ngón giữa)

Không (ngón cái) đều phụ ở Phong (ngón trỏ)



Quy: Trước, phải, sau, trái

Đưa Ân đến vàng trán

Ba lần dâng **Thánh Thiên**

Trong Tâm có mong cầu

Tùy hiển đều trình thưa (khải bạch)

Sẽ được **địa Vô Cấu** (Amala-bhūmi)

Định (Samādhi) *Ly Nã Thanh Lương*

24. Át Già Chân Ngôn là:

“**Án, phộc nhật-la ná ca tra, Hồng**” (như cầu, chí nguyện 3 lần tập, Bách Tự Minh)

ॐ वज्रसकलं ह्रूं

☞ OM - VAJRA UDAKATA - HŪM

[Bản khác ghi là: **Năng mạt tam mãn đa một đà nam. Nga nga năng tam ma tam ma, sa phộc hạ**]

नमः समं वं वज्रं गगनं समसमं वृत्तं

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - GAGANA SAMA ASAMA
- SVĀHĀ]

— Tiếp cầm chày Kim Cương

Rút ném, rung chuông vàng

Liên thêm **chuyển Pháp Luân**

Đế Tướng (chân thành tướng) **Chấp Kim Cương**

Như ở **Pháp Giới Tĩnh**

Thường trụ **Tâm Bồ Đề**

— Tiếp kết **Phương Ngung Ân**

Dùng Thánh **Bất Động Tôn**



Chuyển trái thành **Tịch Trừ**
Chuyển bên phải, trên, dưới
Chạm khắp chi phần Thân
Kết hộ đều kiên lao (bền chắc không thể phá)
Chân Ngữ, **mẫu đà la** (Mudra: Ấn)
Như dưới nên phân biệt
_ Đã nghiêm bị xong rồi
Nên bày **Căn Bản Khế**
Lại gia trì năm nơi
Chuyển bảy lần hoặc ba
Bung Ấn, mở trên đỉnh
Bán già, Chính Thân ý
Hoặc tác *tương ứng Tọa* (cách ngồi tương ứng)
Tùy phương như Giáo nói.
_ Chính diện trụ trước Thân
Quán một Tượng *Viên Minh* (tròn trịa sáng tỏ)
Trong sạch không tỳ vết
Giống như vành trăng đầy
Trong có hình Bản Tôn
Diệu sắc hơn ba Cõi
Thân khoác áo lụa mỏng
Mão báu, râu tóc xanh
Tịch Nhiên Tam Ma Địa
Lửa sáng hơn ánh điện
Giống như trong gương trong
Thăm thẳm hiện chân dung
Mừng giận hiển hình sắc
Nhóm *Táo Trì, Dĩ Nguyên*
Chính Thọ tương ứng Thân
Tâm sáng tỏ không loạn
Vô Tướng Tịnh Pháp Thể (Thể của Pháp Thanh tịnh không có Tướng)
Nên nguyện cứu quần sinh
Nhũ Phong (ngón trở ở vú) làm bốn Ấn
Tùy một, làm thành tựu
Tu hành đủ sáu tháng
Thần Thông lên xuống nhẹ
An trụ **Như Lai Câu**
Bày chữ như dưới nói
Hỏa Sinh Chướng Thánh Giả
Vô Động Tôn Chân Ngôn (như Quyển Trung nói rõ)

NHIỆP ĐẠI TỶ LÔ GIÁ NA CÚNG DƯỜNG PHƯƠNG TIỆN NGHI QUỶ
_ QUYỂN THỨ NHẤT (Hết)_